TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2025/HS-PT
Ngày 28 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 22 và 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 457/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Việt T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Nguyễn Việt T, sinh ngày 26 tháng 5 năm 1995 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú: Ấp CĐ, xã CH A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Nhân viên tiếp thị bán hàng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh N (chết) và bà Tăng Thị X (chết); hoàn cảnh gia đình: Không có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam: Ngày 21/12/2022; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Việt T:*

1. Bà Huỳnh Thị T5 là Luật sư của Công ty Luật hợp danh TP, Chi nhánh BL, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu; có mặt.

2. Ông Huỳnh Chí Tr là Luật sư của Công ty Luật hợp danh TP, Chi nhánh CT, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Huỳnh Hoàng H, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Ấp CC, xã ĐX, huyện DH, tỉnh Trà Vinh; có đơn vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị NY, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp CC1, xã LV, huyện DH, tỉnh Trà Vinh; có đơn vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Ấp 11, xã LH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh; có đơn vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp HĐ, xã CH A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Th, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp CĐ, xã CH A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu; có mặt.

3. Ông Nguyễn Thành N4, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Số 50A, Khóm 7, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu; có đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Việt T làm nhân viên thị trường cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam (Sau đây viết tắt là Công ty CP) có địa chỉ tại Khu Công nghiệp BX, xã ST, huyện TB, tỉnh Đồng Nai và địa chỉ tại Lô A21-A35 Khu Công nghiệp AH, xã AH, huyện CT1, tỉnh Bến Tre và được phân công phụ trách thị trường tại huyện DH và thị xã DH, tỉnh Trà Vinh từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022. Quá trình thực hiện công việc tiếp thị, bị cáo T tiếp nhận đơn đặt hàng từ các Đại lý HN của bị hại Huỳnh Hoàng H, Đại lý NY của bị hại Nguyễn Thị NY và Đại lý KT của bị hại Nguyễn Văn Kh gửi đến bằng hình ảnh thông qua mạng xã hội Zalo để chuyển về bộ phận bán hàng của Công ty CP. Quá trình này, bị cáo T dùng thủ đoạn gian dối chỉnh sửa số lượng hàng trên đơn đặt hàng của các Đại lý gửi về Công ty CP mà không xin ý kiến của Đại lý bằng cách điện thoại, nhắn tin qua ứng dụng Zalo hoặc line nhóm, yêu cầu các nhân viên phòng bán hàng của Công ty CP - Chi nhánh Bến Tre gồm bà Mai Thị DH, ông Nguyễn TN và ông Lê Văn H2 (nhân viên bán hàng của Công ty CP - Chi nhánh Đồng Nai) ghi thêm tên hàng, số lượng hàng nhiều hơn so với đơn đặt hàng ban đầu của bị hại H, Y, Kh gửi về Công ty CP nhằm mục chiếm đoạt lượng hàng chênh lệch gồm thuốc và chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản. Do tin tưởng bị cáo T nên các nhân viên này xuất đủ hàng và không ra phiếu xuất kho theo yêu cầu của T. Bị cáo T biết các Đại lý HN, NY, KT nhận đủ hàng theo đơn đặt hàng ban đầu mà không kiểm tra hóa đơn và bảng đối chiếu công nợ hàng tháng giữa Công ty CP và các Đại lý nêu trên nên các Đại lý đã thanh toán

tiền cho toàn bộ số hàng hóa bao gồm cả số hàng chênh lệch do T ghi thêm trong đơn đặt hàng. Với thủ đoạn gian dối trên, trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022, bị cáo T đã chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể như sau:

1. Đối với Đại lý HN của bị hại Huỳnh Hoàng H: Bị cáo Nguyễn Việt T đã yêu cầu các nhân viên phòng bán hàng chỉnh sửa số lượng hàng trên các đơn đặt hàng của bị hại H gửi về Công ty CP để chiếm đoạt gồm:

1.1. Đơn đặt hàng số 0019718 ngày 24/9/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Sodamix 50 bao, Calmag 50 bao, Hotta 140 bao, Zeolito 100 bao, Bikap 100 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: PH fixer 10 thùng (một thùng 10 gói) trị giá số tiền 11.699.940 đồng.

1.2. Đơn đặt hàng số 0019728 ngày 28/9/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Superca 50 bao, D-100 50 bao, Bikap 50 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Kamax 60 bao (mỗi bao 10kg), Vibrotech 10 thùng (mỗi thùng 6 chai), Superca 50 bao (mỗi bao 25kg), Hotta 56 bao (mỗi bao 25kg), Betamin 5 thùng (mỗi thùng 6 hộp), PH fixer 10 thùng (mỗi thùng 10 gói), Sodamix 50 bao (mỗi bao 20kg), Minomix 5 thùng (mỗi thùng 6 hộp) tổng trị giá số tiền 70.371.830 đồng.

1.3. Đơn đặt hàng số 0019741 ngày 09/10/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hi-pro 50 thùng, Hotta 400 bao, Zeolito 80 bao, Bikap 120 bao, RN2 05 thùng, Canolac 01 thùng, Saponin 50 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: PH fixer 20 thùng (mỗi thùng 10 gói), Superca 40 bao (mỗi bao 25 kg), Calmag 100 bao (mỗi bao 20kg), Hotta 160 bao (mỗi bao 25kg), Betamin 10 thùng (mỗi thùng 6 hộp), Biotical 10 thùng (mỗi thùng 6 chai), CP Bioplus 20 thùng (mỗi thùng 20 gói), Canolac 10 thùng (mỗi thùng 25 gói), Cleaner-80 10 thùng (mỗi thùng 6 chai), Saponin 100 bao (mỗi bao 10kg), Sodamix 50 bao (mỗi bao 20kg), Sodapure 100 thùng (mỗi thùng 12 gói), Vibot 05 thùng (mỗi thùng 10 gói) tổng trị giá số tiền 269.773.377 đồng.

1.4. Đơn đặt hàng số 0019753 ngày 23/10/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Superca 200 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông H2 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Calmag 20 bao (mỗi bao 20kg) trị giá số tiền 3.759.987 đồng.

1.5. Đơn đặt hàng số 0019753 bị hại H đã đặt ngày 23/10/2021, đến ngày 25/10/2023 bị cáo T tiếp tục gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán

hàng chỉnh sửa ghi thêm số lượng như sau: Hotta 50 bao (mỗi bao 25kg) trị giá số tiền: 6.099.995 đồng.

1.6. Đơn đặt hàng số 0019756 ngày 27/10/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Calmag 400 bao, Sodapure 10 thùng, Hi-oxy 40 gói, Vibrotech 100 thùng, Aqua base 01 thùng, Aqua AM 06 hộp. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông H2 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Calmag 150 bao (mỗi bao 20kg), Vibot 20 thùng (mỗi thùng 10 gói), Kamax 200 bao (mỗi bao 10kg) tổng trị giá số tiền 137.199.773 đồng.

1.7. Đơn đặt hàng số 0019761 ngày 02/11/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 80 bao, PH test kit 01 thùng, Aqua AM 06 Hộp. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông N3 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Hipro 10 thùng, trị giá số tiền 2.300.000 đồng.

1.8. Đơn đặt hàng số 0019763 ngày 03/11/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hi-pro 50 thùng, Biotical 01 thùng, Hotta 200 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Hotta 160 bao (mỗi bao 25kg), Zeolito 50 bao (mỗi bao 25kg) tổng trị giá số tiền 24.494.954 đồng.

1.9. Đơn đặt hàng số 0019766 ngày 06/11/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 20 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm số lượng như sau: Hotta 80 bao (mỗi bao 25kg), Superca 150 bao (mỗi bao 25kg), tổng trị giá số tiền 20.049.887đồng.

1.10. Đơn đặt hàng số 0019771 ngày 10/11/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 40 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa tên hàng thành 400 bao Hotta để chiếm đoạt 360 bao (mỗi bao 25kg), trị giá số tiền 43.919.964 đồng.

1.11. Đơn đặt hàng số 0019775 ngày 15/11/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Cleaner-80 10 thùng, Expro 01 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: RN2 40 thùng (mỗi thùng 12 gói), Calmag 200 bao (mỗi bao 20 kg), Chlorin test kit 12 hộp, tổng trị giá số tiền 78.475.914 đồng.

1.12. Đơn đặt hàng số 0019779 ngày 22/11/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 200 bao, Bikap 250 bao, D-100 120 bao. Sau khi nhận đơn

đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng sửa ngày 24/11/2021, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Kamax 250 bao (mỗi bao 10kg), Aqua Base 02 thùng (mỗi thùng 12 hộp), Aqua AM 03 thùng (mỗi thùng 12 hộp), PH test kit 03 thùng (mỗi thùng 20 hộp), Aqua Potassium 01 thùng (mỗi thùng 12 hộp), tổng trị giá số tiền 88.869.929 đồng.

1.13. Đơn đặt hàng số 0019785 ngày 25/11/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Bikap 250 bao, Hotta 200 bao, Superca 120 bao, Biohert 03 thùng, Canolac 01 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Betamin 30 thùng (mỗi thùng 6 hộp), Bikap 45 bao (mỗi bao 20kg), Superca 120 bao (mỗi bao 25kg), Bioherb 10 thùng (mỗi thùng 10 gói), Canolac 01 thùng (mỗi thùng 25 gói), tổng trị giá số tiền 78.456.907 đồng.

1.14. Đơn đặt hàng số 0019790 ngày 29/11/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Kamax 750 bao, Betamin 10 thùng, PH fixer 10 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông N3 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Zymetin 10 thùng (mỗi thùng 40 gói), CP Bioplus 10 thùng (mỗi thùng 20 gói), PH fixer 10 thùng (mỗi thùng 10 gói), tổng trị giá số tiền 87.899.780 đồng.

1.15. Đơn đặt hàng số 0019793 ngày 02/12/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 200 bao, Superca 200 bao, Saponin 50 bao, Cleaner-80 05 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông N3 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ngày 04/12/2021, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: F88 50 xô, giá trị số tiền 18.099.953 đồng.

1.16. Đơn đặt hàng số 0019800 ngày 07/12/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 200 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông N3 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Calmag 165 bao (mỗi bao 20kg), Hotta 160 bao (mỗi bao 25kg), Kamax 330 bao (mỗi bao 10kg), tổng trị giá số tiền 132.379.885 đồng.

1.17. Đơn đặt hàng số 0029103 ngày 13/12/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 80 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Superca 280 bao (mỗi bao 25kg), trị giá số tiền 19.207.804 đồng.

1.18. Đơn đặt hàng số 0029107 ngày 13/12/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Expro 02 thùng, Superca 120 bao, Cleaner-80 10 thùng, Bikap 250 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua

bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa thành ngày 14/12/2021, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Sodamix 250 bao (mỗi bao 20kg), Canolac 10 thùng (mỗi thùng 25 gói), tổng trị giá số tiền 90.749.788 đồng.

1.19. Đơn đặt hàng số 0029110 ngày 16/12/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 280 bao, Super VS 20 thùng, Sodapure 10 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Sodamix 150 bao, Superca 160 bao, tổng trị giá số tiền 53.425.761 đồng.

1.20. Đơn đặt hàng số 0029110 ngày 16/12/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 280 bao, Super VS 20 thùng, Sodapure 10 thùng, Aqua Potassium 02 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng bị cáo T gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng sửa thành ngày 17/12/2021, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Saponin 200 bao (mỗi bao 10kg), trị giá số tiền 26.400.000 đồng.

1.21. Đơn đặt hàng số 0029113 ngày 18/12/2021, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Saponin 100 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Hotta 280 bao (mỗi bao 25kg) trị giá số tiền 34.159.972 đồng.

1.22. Đơn đặt hàng số 0029110, bị hại H đã đặt ngày 16/12/2021, bị cáo T tiếp tục gian dối yêu cầu ông N3 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa thành ngày 20/12/2021, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Calmag 230 bao (mỗi bao 20kg), Kamax 500 bao (mỗi bao 10kg), Mex-yucca 02 thùng (mỗi thùng 16 chai) tổng trị giá số tiền 173.663.826 đồng.

1.23. Đơn đặt hàng số 0029138 ngày 11/01/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Kamax 600 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông N3 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Hotta 50 bao (mỗi bao 25 kg), Superca 50 bao (mỗi bao 25kg), Calmag 220 bao (mỗi bao 20kg), Kamax 110 bao (mỗi bao 10kg) tổng trị giá số tiền 78.499.861 đồng.

1.24. Đơn đặt hàng số 0029139 ngày 12/01/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Sodamix 30 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông H2 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Hotta 120 bao (mỗi bao 25 kg), Sodamix 170 bao (mỗi bao 20kg), Calmag 190 bao (mỗi bao 20kg) tổng trị giá số tiền 97.889.747 đồng.

1.25. Đơn đặt hàng số 0029142 ngày 15/01/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Saponin 50 bao, Bikap 250 bao, Hotta 200 bao, Superca 200 bao, Zymetin 03 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa thành ngày 18/01/2022, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Prostar 170 bao (mỗi bao 25 kg) tổng trị giá số tiền 16.914.830 đồng.

1.26. Đơn đặt hàng số 0029145 ngày 20/01/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Sodamix 500 bao, Super VS 100 thùng, Betamin 50 thùng, PH fixer 50 thùng, Minomix 50 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: PH fixer 03 thùng (mỗi thùng 10 gói), CP Bioplus 01 thùng (mỗi thùng 20 gói), Aqua base 01 thùng (mỗi thùng 12 hộp), D-100 200 bao (mỗi bao 25 kg) tổng trị giá số tiền 23.133.758 đồng.

1.27. Đơn đặt hàng số 0029147 ngày 21/01/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Calmag 80 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa thành ngày 22/01/2022, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Sodamix 150 bao (mỗi bao 20kg), CP Bioplus 50 thùng (mỗi thùng 20 gói), Calmag 85 bao (mỗi bao 20kg), tổng trị giá số tiền 165.599.039 đồng.

1.28. Đơn đặt hàng số 0029155 ngày 26/01/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: D-100 300 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ngày 27/01/2022, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Sodamix 900 bao (mỗi bao 20 kg), trị giá số tiền 254.699.235 đồng.

1.29. Đơn đặt hàng số 0029155, bị hại H đã đặt ngày 26/01/2022, bị cáo T tiếp tục gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa thành ngày 28/01/2022, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Sodamix 600 bao (mỗi bao 20kg), Calmag 1.800 bao (mỗi bao 20kg), tổng trị giá số tiền 511.798.770 đồng.

1.30. Đơn đặt hàng số 0029160 ngày 28/01/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 100 bao, Superca 200 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa thành ngày 29/01/2022, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Hotta 120 bao (mỗi bao 25 kg), Superca 200 bao (mỗi bao 25kg), Bioherb 10 thùng (mỗi thùng 10 gói), Sodapure 08 thùng (mỗi thùng 12 gói), tổng trị giá số tiền 63.359.848 đồng.

1.31. Đơn đặt hàng số 0029154 ngày 26/01/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Cleaner-80 50 thùng, Sodamix 2.000 bao, Calmag 500 bao, Super VS 150 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông H2 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Sodamix 250 bao (mỗi bao 20kg), giá trị số tiền 70.249.988 đồng.

1.32. Đơn đặt hàng số 0029162 ngày 06/02/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 400 bao, Bikap 250 bao, CP Bioplus 10 thùng, Expro 03 thùng, PH test kit 01 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông N3 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa thành ngày 09/02/2022, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Hotta 150 bao (mỗi bao 25 kg), Superca 150 bao (mỗi bao 25kg) tổng trị giá số tiền 28.070.064 đồng.

1.33. Đơn đặt hàng số 0029165 ngày 10/02/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 200 bao, Bikap 200 bao, Zymetin 20 thùng, CP Bioplus 70 thùng, Mutagen 10 thùng, Saponin 50 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông H2 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Hotta 1.401 bao (mỗi bao 25 kg), trị giá số tiền 165.061.897 đồng.

1.34. Đơn đặt hàng số 0029165 ngày 10/02/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 200 bao, Bikap 200 bao, Zymetin 20 thùng, CP bioplus 70 thùng, Mutagen 10 thùng, Saponin 50 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông H2 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Expro 10 thùng (mỗi thùng 10 gói), Saponin 410 bao (mỗi bao 10kg), tổng trị giá số tiền 73.336.000 đồng.

1.35. Đơn đặt hàng số 0029175 ngày 14/02/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Saponin 100 bao, Iophor 02 thùng, Bioherb 05 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa thành ngày 16/02/2022, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Sodamix 256 bao (mỗi bao 20kg), Calmag 184 bao (mỗi bao 20kg), tổng trị giá số tiền 107.407.708 đồng.

1.36. Đơn đặt hàng số 0029183 ngày 22/02/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: PH fixer 20 thùng, Calmag 350 bao, Super ca 80 bao, Kamax 500 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông N3 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa thành ngày 24/02/2022, ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Cleaner-80 05 thùng (mỗi thùng 06 chai), Bikap 30 bao (mỗi bao 20kg) tổng trị giá số tiền 18.232.355 đồng.

1.37. Đơn đặt hàng số 0029193 ngày 27/02/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Cleaner-80 20 thùng, Calmag 400 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông H2 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Zymetin 10 thùng (mỗi thùng 40 gói), Sodapure 40 thùng (mỗi thùng 12 gói), Bioherb 05 thùng (mỗi thùng 10 gói), tổng trị giá số tiền 93.000.000 đồng.

1.38. Đơn đặt hàng số 0029198 ngày 04/3/2022, bị hại H đặt số lượng hàng gồm: Hotta 20 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông N3 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Hotta 180 bao (mỗi bao 25 kg), trị giá số tiền 24.119.986 đồng.

Như vậy, từ ngày 24/9/2021 đến tháng 3/2022 bị cáo Nguyễn Việt T đã dùng thủ đoạn gian dối yêu cầu các nhân viên bán hàng gồm bà Hiền, ông N3 và ông H2 chỉnh sửa 38 đơn đặt hàng của ông Huỳnh Hoàng H, Đại lý HN để chiếm đoạt tài sản của ông H gồm thuốc và chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản tổng trị giá 3.262.832.311 đồng

2. Đối với Đại lý NY của bị hại Nguyễn Thị NY: Bị cáo Nguyễn Việt T đã dùng thủ đoạn gian dối yêu cầu các nhân viên bán hàng chỉnh sửa đơn đặt hàng của bị hại Y để chiếm đoạt tài sản cụ thể gồm:

2.1. Đơn đặt hàng số 005408 ngày 08/11/2021, bị hại Y đặt số lượng hàng gồm: D-100 200 bao, Betamin 10 thùng, Hotta 100 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông N3 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Calmag 250 bao (mỗi bao 20 kg), trị giá số tiền 45.250.000 đồng.

2.2. Đơn đặt hàng số 005412 ngày 17/11/2021, bị hại Y đặt số lượng hàng gồm: Hotta 100 bao. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu bà H1 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Sodamix 200 bao (mỗi bao 20kg), Kamax 100 bao (mỗi bao 10 kg), tổng trị giá số tiền 77.600.000 đồng.

2.3. Đơn đặt hàng số 005424 ngày 14/02/2022, bị hại Y đặt số lượng hàng gồm: Hotta 1.000 bao, Superca 1.000 bao, Super VS 40 can, Zymetin 10 thùng, CP Bioplus 20 thùng, CFF 20 thùng, Sodapure 05 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông H2 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa ghi thêm tên hàng và số lượng để chiếm đoạt gồm: Calmag 790 bao (mỗi bao 20 kg), trị giá số tiền 148.519.487 đồng.

Như vậy, từ ngày 14/02/2022 đến ngày 08/11/2022, bị cáo Nguyễn Việt T đã dùng thủ đoạn gian dối chỉnh sửa 03 đơn đặt hàng của bị hại Nguyễn Thị NY chiếm đoạt tài sản là thuốc và chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản với tổng tài sản trị giá số tiền 271.369.487 đồng.

3. *Đối với Đại lý KT của bị hại Nguyễn Văn Kh: Đơn đặt hàng số 0032679 ngày 29/11/2021:* Số lượng đặt hàng gồm Hotta 300 bao, Superca 600 bao, PH fixer 10 thùng, Betamin 10 thùng, Kamax 250 bao, D-100 40 bao, Calmag 50 bao, CP Bioplus 10 thùng. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bị cáo T chuyển đơn đặt hàng về Công ty qua bộ phận bán hàng, rồi gian dối yêu cầu ông H2 là nhân viên bán hàng chỉnh sửa số lượng Calmag lên 600 bao để chiếm đoạt 550 bao (mỗi bao 20kg) trị giá số tiền 98.450.000 đồng. Số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt của bị hại Kh là 98.450.000 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2021 đến ngày 04/3/2022, bị cáo Nguyễn Việt T bằng thủ đoạn gian dối chỉnh sửa số lượng hàng trên đơn đặt hàng của các Đại lý gửi về Công ty CP mà không xin ý kiến của Đại lý rồi chiếm đoạt lượng hàng chênh lệch gồm thuốc và chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản của bị hại sử dụng với tổng tài sản trị giá là 3.632.651.798 đồng; trong đó của bị hại Huỳnh Hoàng H là 3.262.832.311 đồng, bị hại Nguyễn Thị NY là 271.369.487 đồng, bị hại Nguyễn Văn Kh là 98.450.000 đồng. Đến ngày 22/3/2022, bị cáo T bị ông Huỳnh Hoàng H phát hiện tố giác tới Công an thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Ngày 21/12/2022, bị cáo T bị bắt tạm giam cho đến nay.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định (tóm tắt):

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T 15 (mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 21/12/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Việt T bồi thường cho các bị hại số tiền 2.205.786.798 đồng, cụ thể như sau:

Bị bại Huỳnh Hoàng H số tiền là 1.920.988.311 đồng (một tỷ chín trăm hai mươi triệu chín trăm tám mươi tám nghìn ba trăm mười một đồng).

Bị hại Nguyễn Thị NY số tiền là 245.418.487 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm mười tám nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng).

Bị hại Nguyễn Văn Kh số tiền là 39.380.000 đồng (ba mươi chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29 tháng 4 năm 2024, bị cáo Nguyễn Việt T kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Việt T giữ nguyên yêu cầu

kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại hành vi phạm tội vì bị cáo chỉnh sửa đơn hàng là theo yêu cầu của các đại lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo T không thừa nhận hành vi tự ý sửa chữa ghi thêm số lượng trên đơn hàng mà theo yêu cầu của các đại lý. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị hại và lời khai của những người làm chứng thì có đủ cơ sở kết luận bị cáo T trong thời gian làm nhân viên thị trường cho Công ty CP, được phân công phụ trách thị trường tại huyện DH và thị xã DH, tỉnh Trà Vinh từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, bằng thủ đoạn gian dối là chỉnh sửa số lượng hàng trên đơn đặt hàng của các Đại lý gửi về Công ty CP mà không xin ý kiến của Đại lý, bị cáo T đã chiếm đoạt lượng hàng chênh lệch gồm thuốc và chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản của các bị hại với tổng tài sản trị giá là 3.632.651.798 đồng; trong đó của bị hại Huỳnh Hoàng H là 3.262.832.311 đồng, bị hại Nguyễn Thị NY là 271.369.487 đồng, bị hại Nguyễn Văn Kh là 98.450.000 đồng. Với hành vi phạm tội trên, bị cáo T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 15 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Việt T đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ một số nội dung sau:

Giữa bị cáo T và ông Huỳnh Hoàng H là chủ Đại lý HN, Đại lý NY có giao dịch mua bán với nhau từ khoảng năm 2020 đến tháng 3/2024, cụ thể bị cáo T nhận hàng của H để bán lại cho đại lý cấp hai hoặc cho hộ cá nhân để nhận chiết khấu từ 20 – 26% trên tổng số lượng hàng hóa bán ra; giao dịch tạo ra lợi nhuận cho cả T và ông H vì ông H được tăng sản lượng bán hàng theo chỉ tiêu doanh số của đại lý cấp 1. Ông H thừa nhận có bán hàng cho bị cáo T.

Theo quy trình đặt hàng, các chủ đại lý ghi số lượng hàng hóa cần đặt trong đơn đặt hàng rồi chụp ảnh gửi cho bị cáo T qua tài khoản Zalo, trường hợp nếu có chỉnh sửa, bổ sung hoặc thay đổi số lượng hàng hóa thì gọi điện thoại hoặc nhắn tin cho bị cáo T để sửa đơn đặt hàng. Như vậy, việc bị cáo T yêu cầu nhân viên bán hàng chỉnh sửa đơn đặt hàng là theo yêu cầu của các chủ đại lý chứ không phải bị cáo T tự ý chỉnh sửa.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 01/8/2023, ông Nguyễn Văn Kh là chủ đại lý KT trình bày: "Đối với đơn đặt hàng số 0032679 ngày 26/11/2021 là do kế toán của tôi ghi để đặt hàng rồi gửi cho bị can T, tuy nhiên qua xem xét trực tiếp đơn đặt hàng tôi thấy có chỉnh sửa số lượng calmag từ 50 bao thành

600 bao… Qua kiểm tra phiếu xuất kho từ nhân viên kế toán thì phát hiện số lượng tôi nhận là 110 bao calmag, trong đó có 50 bao thực đặt và 60 bao khuyến mãi, còn lại 550 bao T chiếm đoạt tương đương với số tiền 98.450.000 đồng tôi đã thanh toán cho Công ty". Việc ông Kh cho rằng bị cáo T chiếm đoạt 550 bao calmag là không phù hợp vì đại lý của ông Kh có chỉnh sửa và thực đặt số lượng 600 bao calmag nên ông Kh mới được khuyến mãi 60 bao/600 bao.

Việc bà Nguyễn Thị NY không thừa nhận có giao dịch mua bán hàng hóa với bị cáo T là không có căn cứ vì bị cáo T có tài liệu, chứng cứ chứng minh các tin nhắn Zalo của bà Ý gửi cho bị cáo T để đặt thêm hàng, chứng minh được việc bị cáo T chuyển tiền vào tài khoản của bà Ý.

Việc ông H, bà Y, ông Kh cho rằng vì tin tưởng bị cáo T nên đã không kiểm tra nên bị cáo T mới thực hiện được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không đúng sự thật vì thực tế bị cáo T có mua hàng hóa của các đại lý nên mới có việc chuyển tiền vào tài khoản của Công ty để trả công nợ thay cho các đại lý. Điều này chứng minh bằng sao kê ngân hàng.

Ngoài ra, các nhân chứng gồm bà Văn Nữ AN, bà Nguyễn Thị BT1 còn xác định khi Công ty bán hàng cho các đại lý thì khi hàng hóa xuất kho giao cho tài xế xe vận tải chở về giao cho đại lý phải kèm theo phiếu xuất kho để xác định hàng hóa xuất đúng lô và đủ số lượng theo yêu cầu của đại lý. Đồng thời, hằng ngày Công ty đều có gửi thông báo tình hình công nợ cho các đại lý để nhắc nhở công nợ nên việc các đại lý cho rằng bị T chiếm đoạt hàng hóa trong thời gian dài mà không biết là không phù hợp.

Như vậy, cơ quan điều tra chưa chứng minh được bị cáo T tự ý sửa đơn hàng của các đại lý, chưa chứng minh được ý thức chiếm đoạt của bị cáo T và chưa sao kê các tài khoản mà T sử dụng để chuyển tiền cho các đại lý nên chưa đủ cơ sở kết luận bị cáo T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh để điều tra lại theo đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Việt T trình bày bổ sung: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo kêu oan vì bị cáo không tự ý chỉnh sửa đơn đặt hàng. Số lượng hàng hóa do Cơ quan điều tra thu giữ tại 03 kho có nguồn gốc do bị cáo mua để bán lại kiếm lời, không phải là tài sản chiếm đoạt của các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Nguyễn Việt T nói lời nói sau cùng: Bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có hành vi gian dối, không chiếm đoạt tài sản của các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; kết quả được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo Cáo trạng và Bản án sơ thẩm thì: Bị cáo Nguyễn Việt T là nhân viên thị trường của Công ty CP, được phân công phụ trách thị trường tại huyện DH và thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Lợi dụng vị trí công việc được giao, trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, bằng thủ đoạn gian dối là chỉnh sửa số lượng hàng trên đơn đặt hàng của các Đại lý gửi về Công ty CP mà không xin ý kiến của Đại lý, bị cáo T nhiều lần chiếm đoạt lượng hàng chênh lệch gồm thuốc và chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản của các bị hại với tổng tài sản trị giá là 3.632.651.798 đồng để lấy tiền tiêu xài cá nhân; trong đó của bị hại Huỳnh Hoàng H là 3.262.832.311 đồng, bị hại Nguyễn Thị NY là 271.369.487 đồng và bị hại Nguyễn Văn Kh là 98.450.000 đồng. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T không thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại mà cho rằng việc chỉnh sửa đơn hàng là theo yêu cầu của các chủ đại lý.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về lời khai của bị cáo Nguyễn Việt T tại Cơ quan điều tra như sau:

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2022, bị cáo T khai: "Trong thời gian làm nhân viên kinh doanh (tiếp thị) thì tôi có yêu cầu nhân viên của Công ty phòng bán hàng chỉnh sửa đơn đặt hàng và ghi thêm số lượng hàng hóa trên đơn đặt hàng ban đầu của Đại lý thức ăn Huỳnh Hoàng H theo yêu cầu của ông H và bà T6, do thời gian lâu tôi không nhớ chỉnh sửa bao nhiêu đơn đặt hàng. Tôi thống nhất có chỉnh sửa các đơn đặt hàng mà cơ quan điều tra đưa xem". Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 21/12/2022, bị cáo T khai: "Quá trình nhận đơn đặt hàng của ông Huỳnh Hoàng H để chuyển về Công ty thì bị can có nhắn tin trên Zalo hoặc link yêu cầu nhân viên phòng bán hàng của Công ty chỉnh sửa thêm số lượng và thêm tên hàng của các đơn đặt hàng của ông H". Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 23/12/2022, bị cáo T khai: "Sau khi xem các đơn đặt hàng của bà T6 (kế toán Đại lý HN) giao nộp thì nội dung chỉnh sửa trên đơn đặt hàng phù hợp với nội dung tin nhắn mà bị can yêu cầu chỉnh sửa. Yêu cầu chỉnh sửa của ông H, bà T6 chỉ điện thoại và nhắn tin nên bị can không có giấy tờ chứng minh". Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 12/01/2023, bị cáo T khai: "Tổng số lượng hàng trong các đơn hàng có chỉnh sửa thì Công ty (bộ phận bán hàng) xuất đủ hàng hóa theo đơn đặt hàng có chỉnh sửa để bị can giao cho ông H chủ đại lý thức ăn HN". Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 23/12/2023, bị cáo T đồng ý bán tài sản và mượn tiền

của người thân trong gia đình khắc phục số tiền 3.262.832.312 bằng 38 hóa đơn đặt hàng mà bị cáo chỉnh sửa ghi thêm để khắc phục cho các bị hại.

[2.2] Lời khai của Bị hại và Người làm chứng như sau:

Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/8/2023, ông Nguyễn Văn Kh khai: "Trong thời gian T làm tiếp thị tôi không có bán hàng là thuốc và chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản cho T và cũng không có mua hàng của T bán, đồng thời cũng không có nhờ T ra hàng giùm. Tôi khẳng định hoàn toàn không có yêu cầu T chỉnh sửa, nếu muốn mua thêm hay thay đổi thì tôi ký đơn đặt hàng mới để Công ty tích công nợ chứ không có nhờ nhân viên thị trường là T chỉnh sửa". Tại Biên bản ghi lời khai ngày 27/8/2023, bà Nguyễn Thị NY khai: "Tôi không có yêu cầu bị can T chỉnh sửa ghi thêm tên hàng thêm số lượng". Tại Biên bản ghi lời khai ngày 06/9/2023, ông Huỳnh Hoàng H khai "Tôi khẳng định tất cả các đơn đặt hàng trên tôi không có yêu cầu bị can T chỉnh sửa, ghi thêm và bà Th cũng không có chỉnh sửa hoặc yêu cầu T chỉnh sửa".

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 12/5/2023, bà Mai Thị DH khai: "T yêu cầu tôi ghi thêm tên hàng và sửa số lượng hàng nhiều hơn đặt hàng ban đầu, T yêu cầu tôi không xuất phiếu xuất kho để gởi cho đại lý. T nhắn tin chỉnh sửa số lượng và ghi thêm tên hàng, hiện nay tôi còn lưu tin nhắn Zalo và link tôi in ra gởi cho cơ quan điều tra". Tại Biên bản ghi lời khai ngày 16/5/2022, bà Huỳnh Thị DP khai: "Tôi là Trưởng bộ phận bán hàng của Công ty CP chi nhánh BT. Sau khi T nghỉ việc yêu cầu nhân viên phòng bán hàng xóa tin nhắn, tôi hay tin thì không cho mà đề nghị giữ nguyên để in ra nộp cho cơ quan điều tra, phòng bán hàng chỉ liên hệ nhân viên thị trường, phòng bán hàng chỉnh sửa số lượng và tên hàng thêm vào theo yêu cầu của T vì tin tưởng T và đại lý đã thỏa thuận nhau…"

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 28/7/2023, ông Lê Văn H khai: "Trước khi nghỉ việc T yêu cầu tôi (thông qua điện thoại) xóa các tin nhắn mà T yêu cầu chỉnh sửa thêm số lượng và đơn đặt hàng của các đại lý T phụ trách, tôi không xóa mà in ra thành tài liệu cung cấp cho cơ quan điều tra". Tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/02/2023, ông Võ Minh T1 khai: "Việc T chỉnh sửa và ghi thêm số lượng tên đặt hàng để chiếm đoạt lúc này bà UL: nói chuyện mở loa lớn ra ngoài, sau buổi nói chuyện T thừa nhận sự việc trên và sau đó chuyển tiền trả cho Công ty thay cho bà UL hơn 1 tỷ đồng, bà L trình bày từ tháng 01/2021 đến 03/2022 T dùng thủ đoạn gian dối tự ghi thêm chỉnh sửa đơn đặt hàng với 6 đơn đặt hàng của bà L với số tiền 1.024.945.000 đồng".

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 29/4/2023, ông Huỳnh Long TT khai: "Trong thời gian vận chuyển có những lần ông T không giao hoặc giao cho các đại lý còn dư, ông T nói hàng bị lỗi, hàng này ông T mua thêm để bán cho các đại lý khác rồi chở về nhà trọ chứa hàng của T… nhận hàng có phiếu xuất kho, sau đó từ năm 2021 không có phiếu xuất kho nên chở về 2 nhà trọ và 1

nhà thuê của T ở thị xã DH để chứa hàng hóa hoặc giao cho các đại lý theo yêu cầu của T, tôi hỏi T nói hàng bị lỗi phải đổi lại, đại lý đặt thừa hoặc đại lý không nhận, những mặt hàng này tính tấn T trả tiền thuê xe cho tôi".

[2.3] Như vậy, lời khai của các Bị hại, lời khai của những Người làm chứng phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo T tại Cơ quan điều tra, nhất là thời điểm sau khi vụ án bị tố giác, bị cáo T liên hệ với nhân viên bán hàng yêu cầu xóa những tin nhắn chỉnh sửa đơn hàng trước đó của bị cáo nhằm mục đích xóa dấu vết, gây khó khăn cho quá trình điều tra. Sau khi vụ án bị khởi tố, Cơ quan điều tra thu giữ được lượng lớn hàng hóa do bị cáo T cất giấu tại nhà thuê của bà Ngô Thị KC, ông Nguyễn TL và ông Nguyễn TH. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo T khai số hàng hóa được cất giữ tại các kho này do mình mua lại từ chính các đại lý để bán kiếm lời nhưng không có chứng cứ chứng minh và các đại lý cũng không thừa nhận lời khai này của bị cáo T. Qua kiểm tra, Cơ quan điều tra xác định các loại thuốc, chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản cất giữ tại kho trùng khớp với hàng hóa mà bị cáo T đặt tại Công ty CP. Đối với số tiền các đại lý bị chiếm đoạt thì bị cáo T đồng ý hoàn trả cho các bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các đại lý thông qua thủ đoạn gian dối là chỉnh sửa tên hàng, số lượng hàng trên đơn đặt hàng gửi cho các nhân viên của Công ty CP. Quá trình điều tra xác định tổng số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt của các bị hại là 3.632.651.798 đồng, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 và có một tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo T đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, tổ chức trong khoảng thời gian dài, gây bất ổn trong việc phát triển kinh tế, xã hội địa địa phương; đặc biệt, sau khi bị tố giác, bị cáo T luôn tìm cách xóa bỏ dấu tích, quanh co chối tội, không thừa nhận hành vi sai trái của mình là thể hiện thái độ không thành khẩn, không ăn năn hối cải, nên cần phải áp dụng mức án đủ nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội; áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 15 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T kháng cáo kêu oan là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T 15 (mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 12 năm 2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Việt T 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 13, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 588, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Việt T bồi thường cho các bị hại số tiền 2.205.786.798 đồng (hai tỷ hai trăm lẻ năm triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi tám) đồng, cụ thể như sau:

Bị bại Huỳnh Hoàng H số tiền là 1.920.988.311 đồng (một tỷ chín trăm hai mươi triệu chín trăm tám mươi tám nghìn ba trăm mười một) đồng.

Bị hại Nguyễn Thị NY số tiền là 245.418.487 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm mười tám nghìn bốn trăm tám mươi bảy) đồng.

Bị hại Nguyễn Văn Kh số tiền là 39.380.000 đồng (ba mươi chín triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Việt T phải chịu 200.000 đồng.

- Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Công an tỉnh Trà Vinh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo tạm giam (TTG tống đạt);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VP, HSVA – NTHN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Mạnh Cường